TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019.
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Bà Quang Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giáp Thị T, sinh năm 1983; trú tại: Số nhà 450C/4, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1979; trú tại: Số nhà 195/5, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị Giáp Thị T, bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Giáp Thị T trình bày :*

Chị và anh Nguyễn Thanh Nh quen biết nhau từ khoảng năm 2005 đến năm 2007 thì tiến đến hôn nhân. Ngày 22/7/2008 chị và anh Nh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Thời gian đầu chị và anh Nh chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong thời gian chị và anh Nh đi làm thuê ở Long An thì chị và anh Nh thường xuyên cải vã với nhau, do anh Nh ghen tuông, có lần cầm dao dọa sẽ giết chị, dọa tạt axít cho chị bị tàn tật và theo dõi mọi việc đi lại của chị. Từ tháng 5/2018 đến nay chị và anh Nh đã sống ly thân, không liên lạc với nhau. Vì vậy, giữa chị và anh Nh không còn tình cảm với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008, hiện đang sống với anh Nh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tấn P cho anh Nh nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tấn P mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Anh Nh thống nhất lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do chị T không thật lòng với anh và có quen với người đàn ông khác anh đã theo dõi và bắt gặp. Sau đó, anh Nh có gọi điện thoại báo cho gia đình hai bên biết sự việc, đồng thời anh có yêu cầu chị T về quê làm để lo cho con, anh Nh sẽ bỏ qua lỗi lầm của chị T nhưng chị T không về. Tình cảm anh còn thương chị T nên anh muốn đoàn tụ chung sống với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008, hiện đang sống với anh Nh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay anh Nh không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp ly hôn anh Nh đồng ý nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

-Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán đã vi phạm thời hạn thông báo cho đương sự nộp tiền tạm ứng án phí.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

-Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn chị Giáp Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Thanh Nh không thực hiện đúng quy định của pháp luật là vắng mặt không lý do tại các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Giáp Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Thanh Nh giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008 cho anh Nh nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tấn P mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Tấn P đủ 18 tuổi.

* Kiến nghị: Sẽ có ý kiến sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh Nh.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tấn P cho anh Nh nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về hôn nhân: Chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Thanh Nh quen biết nhau từ khoảng năm 2005 đến năm 2007 thì tiến đến hôn nhân. Ngày 22/7/2008 chị T và anh Nh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lai Vung theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh Nh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Chị T trình bày từ năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là trong thời gian chị và anh Nh đi làm thuê ở Long An thì chị và anh Nh thường xuyên cải vã với nhau, do anh Nh ghen tuông, có lần cầm dao dọa sẽ giết chị, dọa tạt axít cho chị bị tàn tật và theo dõi mọi việc đi lại của chị. Từ tháng 5/2018 đến nay chị và anh Nh đã sống ly thân, không liên lạc với nhau. Vì vậy, giữa chị và anh Nh không còn tình cảm với nhau. Còn anh Nh cho rằng Nguyên nhân mâu thuẩn dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do chị T không thật lòng với anh và có quen với người đàn ông khác anh đã theo dõi và bắt gặp. Sau đó, anh Nh có gọi điện thoại báo cho gia đình hai bên biết sự việc, đồng thời anh có yêu cầu chị T về quê làm để lo cho con, anh Nh sẽ bỏ qua lỗi lầm của chị T nhưng chị T không về. Tình cảm anh còn thương chị T nên anh muốn đoàn tụ chung sống với chị T. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nh mở phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Nh không đến tham gia phiên hòa giải, vắng mặt không lý do. Điều đó thể hiện anh Nh không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị T. Đối với chị Nh Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên chị hàn gắn về chung sống với anh Nh nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Hơn nữa trước đây chị T đã gửi đơn xin ly hôn với anh Nh được Tòa án động viên chị T đã rút đơn khởi kiện để cho anh Nh có điều kiện hàn gắn tình cảm nhưng cả hai không đoàn tụ được. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẩn giữa chị T và anh Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giáp Thị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008 cho anh Nh nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P. Anh Nh cũng xác định trường hợp ly hôn anh sẽ nuôi dưỡng cháu P. Thế nên giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008 cho anh Nh nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh Nh xác định trường hợp ly hôn anh nuôi cháu P và không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Tấn P mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện của chị T phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình và theo nguyện vọng của cháu P nên công nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Nh xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Giáp Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Giáp Thị T

1. Về hôn nhân: Chị Giáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Nh.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận của chị Giáp Thị T và anh Nguyễn Thanh Nh giao con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/6/2008 cho

anh Nh nuôi dưỡng, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Tấn P mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Tấn P đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh Nh cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Giáp Thị T trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Chị Giáp Thị T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng, được khấu trừ 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002636, ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung. Chị Giáp Thị T nộp tiếp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thanh Nh vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**